

Số: 04/QĐ-UBND

Cây Thị, ngày 6 tháng 1 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công khai dự toán ngân sách Nhà nước năm 2022**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CÂY THỊ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 3/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;*

*Căn cứ Quyết định số 5387/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND huyện Đồng Hỷ về việc giao dự toán thu, chi ngân sách huyện Đồng Hỷ năm 2022;*

*Căn cứ Nghị quyết số: 22/NQ-HĐND ngày 31/12/2021 của HĐND xã Cây Thị về việc giao dự toán thu - chi ngân sách xã Cây Thị năm 2022;*

*Xét đề nghị của Ban tài chính xã.*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1:** Công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2022 xã Cây Thị, nội dung cụ thể như sau:

*(Theo các biểu chi tiết kèm theo)*

**Điều 2:** Giao cho Ban Tài chính xã phối hợp với các ngành có liên quan tổ chức và phối hợp hướng dẫn thực hiện;

**Điều 3:** Các ông ( bà): Văn phòng UBND xã, Ban Tài chính, các ngành đoàn thể liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./

**Nơi nhận:**

- Phòng Tài chính - Kế hoạch
- Đảng ủy-HĐND xã;
- Như điều 3;
- Lưu: VP-UBND



**CHỦ TỊCH**

**Dương Minh Thư**

**CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022***Dự toán được hội đồng nhân dân quyết định**Đơn vị: đồng*

<b>NỘI DUNG THU</b>	<b>DỰ TOÁN</b>	<b>NỘI DUNG CHI</b>	<b>DỰ TOÁN</b>
<b>TỔNG SỐ THU</b>	<b>4.099.000.000</b>	<b>TỔNG SỐ CHI</b>	<b>4.099.000.000</b>
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	24.000.000	I. Chi đầu tư phát triển	
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	115.000.000	II. Chi thường xuyên	3.974.000.000
III. Thu bổ sung	3.960.000.000	III. Tiết kiệm chi	62.000.000
- Bổ sung cân đối	3.960.000.000	IV. Dự phòng	63.000.000
- Bổ sung có mục tiêu			
IV. Thu chuyển nguồn			

## DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

Dự toán được HĐND quyết định

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	3	4
	<b>TỔNG THU</b>	<b>4.220.000.000</b>	<b>4.099.000.000</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản thu 100%</b>	<b>24.000.000</b>	<b>24.000.000</b>
1	Phí, lệ phí	19.000.000	19.000.000
2	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác		
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định		
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		
8	Thu khác	5.000.000	5.000.000
<b>II</b>	<b>Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>	<b>236.000.000</b>	<b>115.000.000</b>
1	Các khoản thu phân chia	236.000.000	115.000.000
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	4.000.000	4.000.000
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		
-	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		
-	Lệ phí trước bạ	22.000.000	11.000.000
-	Thuế thu nhập cá nhân	110.000.000	
-	Thuế GTGT	100.000.000	100.000.000
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt		
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định		
<b>III</b>	<b>Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)</b>		
<b>IV</b>	<b>Thu chuyển nguồn</b>		
<b>V</b>	<b>Thu kết dư ngân sách năm trước</b>		
<b>VI</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>3.960.000.000</b>	<b>3.960.000.000</b>
1	Thu bổ sung cân đối	3.960.000.000	3.960.000.000
2	Thu bổ sung có mục tiêu		

## DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

Dự toán được hội đồng nhân dân quyết định

Đơn vị đồng

ST T	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
A	B	1=2+3	2	3
	<b>TỔNG CHI</b>	<b>4.243.000.000</b>	<b>0</b>	<b>4.099.000.000</b>
	Trong đó			
1	Chi giáo dục			
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ			
3	Chi y tế	44.700.000		44.700.000
4	Chi văn hóa, thông tin	35.000.000		35.000.000
5	Chi phát thanh, truyền thanh			
6	Chi thể dục thể thao	25.000.000		25.000.000
7	Chi bảo vệ môi trường			
8	Chi các hoạt động kinh tế	25.000.000		25.000.000
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	3.214.124.000		3.214.124.000
10	Chi cho công tác xã hội	108.076.000		108.076.000
11	Chi công tác dân quân tự vệ, an ninh trật tự	522.100.000		522.100.000
12	Chi khác			
13	Tiết kiệm chi	73.000.000		62.000.000
14	Dự phòng ngân sách	71.000.000		63.000.000

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN <sup>(1)</sup> NĂM 2022

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2021	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2021	Dự toán năm 2022			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
<b>TỔNG SỐ</b>		1 496 036	385 592	1 108 193	575 413				
1. Công trình chuyên tiếp		1 496 036	385 592	1 108 193	575 413				
-Cải tạo sửa chữa nhà làm việc UB	2020	571 029		477 188	330 000				
Đường bê tông xóm Mỹ Hòa	2020	391 139	167 637	274 350	106 713				
Đường bê tông xóm Cây Thị	2020	476 375	194 464	318 246	123 782				
Đường bê tông xóm Kim Cương	2020	57 493	23 491	38 409	14 918				
Trong đó: hoàn thành trong năm									
2. Công trình khởi công mới									
Trong đó: hoàn thành trong năm									
-									
-									
...									

Ghi chú: (1) Theo phân cấp của tỉnh



## KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2022

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2021 (năm hiện hành)			KẾ HOẠCH NĂM 2022 (năm sau)		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
<b>TỔNG SỐ</b>						
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	57000	57000		71000	71000	
-Quỹ người nghèo	12000	12000		15000	15000	
- Quỹ khuyến học	8000	8000		15000	15000	
-Quỹ cao tuổi	8000	8000		8000	8000	
Quỹ Đền ơn đáp nghĩa	12000	12000		15000	15000	
Quỹ xã hội từ thiện	8000	8000		9000	9000	
Quỹ trẻ thơ	9000	9000		9000	9000	
2. Các hoạt động sự nghiệp						
+ Chợ						
+ Bến bãi						
+						
+ ...						
...						

Ghi chú: Chênh lệch (+) thu lớn hơn chi  
Chênh lệch (-) thu nhỏ hơn chi